

SỞ GD & ĐT THÁI BÌNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THÁI BÌNH

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM LẦN 1

Môn: Vật Lý

Thời gian làm bài: 50 phút

Câu 1: Một vật thực hiện đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương theo các phương trình $x_1 = 3 \cos\left(4t + \frac{\pi}{2}\right)$ cm

và $x_2 = A \cos(4t)$ cm. Biết khi động năng của vật bằng một phần ba năng lượng dao động thì vật có tốc độ $8\sqrt{3}$ cm/s. Biên độ A_2 bằng:

- A. 1,5 cm. B. $3\sqrt{2}$ cm. C. 3 cm. D. $3\sqrt{3}$ cm.

Câu 2: Một vật dao động điều hòa dọc theo trục Ox với biên độ 4 cm, chu kì 2 s. Tại thời điểm $t = 0,25$ s vật có vận tốc $v = 2\pi\sqrt{2}$ cm/s, gia tốc $a < 0$. Phương trình dao động của vật là:

- A. $x = 4 \cos\left(2\pi t + \frac{\pi}{2}\right)$ cm. B. $x = 4 \cos\left(\pi t + \frac{\pi}{2}\right)$ cm.
C. $x = 4 \cos\left(\pi t - \frac{\pi}{2}\right)$ cm. D. $x = 4 \cos\left(2\pi t - \frac{\pi}{2}\right)$ cm.

Câu 3: Một chất điểm dao động điều hòa theo phương trình $x = 4 \sin\left(\pi t + \frac{\pi}{6}\right)$ cm, t tính bằng s. Quãng đường chất điểm đi được sau 7 giây kể từ $t = 0$ là:

- A. 56 cm. B. 48 cm. C. 58 cm. D. 54 cm.

Câu 4: Một chất điểm dao động điều hòa có phương trình $x = A \cos(\omega t + \varphi)$. Gọi v và a lần lượt là vận tốc và gia tốc của vật. Đặt $m = \frac{1}{\omega^2}$. Hệ thức đúng là:

- A. $A^2 = m^2(v^2 + ma^2)$. B. $A^2 = m(mv^2 + a^2)$. C. $A^2 = v^2 + ma^2$. D. $A^2 = m(v^2 + ma^2)$.

Câu 5: Vật sáng AB đặt vuông góc với trục chính của một thấu kính hội tụ có độ tụ $D = +5$ dp và cách thấu kính một khoảng 10 cm. Ảnh A'B' của AB qua thấu kính là:

- A. ảnh thật, nằm sau thấu kính, cách thấu kính một đoạn 20 cm.
B. ảnh ảo, nằm trước thấu kính, cách thấu kính một đoạn 20 cm.
C. ảnh ảo, nằm trước thấu kính, cách thấu kính một đoạn 60 cm.
D. ảnh thật, nằm sau thấu kính, cách thấu kính một đoạn 60 cm.

Câu 6: Hai nguồn kết hợp A và B dao động theo phương vuông góc với bề mặt chất lỏng với phương trình $u_A = u_B = 4 \cos(40\pi t)$ cm, t tính bằng s. Tốc độ truyền sóng là 50 cm/s. Biên độ sóng coi như không đổi. Tại điểm M trên bề mặt chất lỏng với $AM - BM = \frac{10}{3}$ cm, phần tử chất lỏng có tốc độ dao động cực đại bằng:

- A. 120π cm/s. B. 100π cm/s. C. 80π cm/s. D. 160π cm/s.

Câu 7: Nguồn sóng trên mặt nước tạo dao động với tần số 10 Hz, gây ra các sóng có biên độ 0,5 cm. Biết khoảng cách giữa 7 ngọn sóng liên tiếp là 30 cm. Vận tốc truyền sóng trên mặt nước là:

- A. 50 cm/s. B. 150 cm/s. C. 100 cm/s. D. 25 cm/s.

Câu 8: Muốn làm giảm hao phí do tỏa nhiệt của dòng điện Fuco gây trên khối kim loại, người ta thường:

- A. chia khối kim loại thành nhiều lá kim loại mỏng ghép cách điện với nhau.
B. sơn phủ lên khối kim loại một lớp sơn cách điện.
C. đúc khối kim loại không có phần rỗng bên trong.
D. tăng độ dẫn điện cho khối kim loại.

Câu 9: Một con lắc lò xo gồm vật có khối lượng $m = 100$ g, lò xo có độ cứng $k = 100$ N/m. Trong cùng một điều kiện về lực cản của môi trường thì biểu thức ngoại lực điều hòa nào sau đây làm cho con lắc dao động cưỡng bức với biên độ lớn nhất? (Cho $g = \pi^2$ m/s²)

- A. $F = 2 \cos\left(20\pi t + \frac{\pi}{2}\right)$ N. B. $F = 1,5 \cos\left(8\pi t + \frac{\pi}{4}\right)$ N.
C. $F = 1,5 \cos(10\pi t)$ N. D. $F = 2 \cos\left(10\pi t + \frac{\pi}{4}\right)$ N.

Câu 10: Một người cận thị có khoảng nhìn rõ từ 12,5 cm đến 50 cm. Khi đeo kính chữa tật của mắt, người này nhìn rõ được các vật đặt gần nhất cách mắt:

- A. 15,0 cm. B. 16,7 cm. C. 17,5 cm. D. 22,5 cm.

Câu 11: Hai điểm M, N cách nhau $\frac{\lambda}{3}$ cùng nằm trên một nửa đường thẳng xuất phát từ nguồn sóng, sóng truyền từ N đến M. Tại thời điểm t, li độ dao động tại M là 6 cm đang chuyển động theo chiều dương, li độ dao động của N là -6 cm. Khi phần tử tại M chuyển động đến biên lần thứ hai kể từ thời điểm t thì li độ sóng tại N là:

- A. $4\sqrt{3}$ cm. B. $-2\sqrt{3}$ cm. C. $-3\sqrt{2}$ cm. D. $2\sqrt{3}$ cm.

Câu 12: Cơ năng của một vật có khối lượng m dao động điều hòa với chu kì T và biên độ A là:

- A. $W = \frac{\pi^2 mA^2}{2T^2}$. B. $W = \frac{\pi^2 mA^2}{4T^2}$. C. $W = \frac{2\pi^2 mA^2}{T^2}$. D. $W = \frac{4\pi^2 mA^2}{T^2}$.

Câu 13: Độ bội giác của kính hiển vi khi ngắm chừng ở vô cực được tính theo công thức:

- A. $G_\infty = \frac{D}{f}$. B. $G_\infty = \frac{f_1 f_2}{\delta}$. C. $G_\infty = \frac{\delta D}{f_1 f_2}$. D. $G_\infty = \frac{f_1}{f_2}$.

Câu 14: Phương trình dao động của vật có dạng $x = A \cos^2\left(\omega t + \frac{\pi}{4}\right)$. Chọn kết luận mô tả **đúng** dao động của vật:

- A. Vật dao động có tần số góc ω . B. Vật dao động có biên độ A, tần số góc ω .
C. Vật dao động có biên độ A. D. Vật dao động có biên độ $0,5A$.

Câu 15: Tia sáng đi từ thủy tinh ($n_1 = 1,5$) đến mặt phân cách với nước ($n_2 = 4/3$). Điều kiện của góc tới i để không có tia khúc xạ trong nước là:

- A. $i \geq 62^\circ 44'$. B. $i < 62^\circ 44'$. C. $i < 48^\circ 35'$. D. $i < 41^\circ 48'$.

Câu 16: Độ cao của âm phụ thuộc vào:

- A. đồ thị dao động của nguồn âm. B. độ đàn hồi của nguồn âm
C. tần số của nguồn âm. D. biên độ dao động của nguồn âm.

Câu 17: Sóng dừng trên dây OB dài $l = 120$ cm có hai đầu cố định. Trên dây có bốn điểm bụng, các phần tử ở đó dao động với biên độ 2 cm. Biên độ dao động của điểm M cách O một khoảng 65 cm là:

- A. 1 cm. B. 0,9 cm. C. 0,7 cm. D. 0,5 cm.

Câu 18: Dòng điện qua cuộn dây giảm từ 1A xuống đến bằng không trong thời gian 0,05 s. Cuộn dây có độ tự cảm 0,2 H. Suất điện động tự cảm trung bình xuất hiện trong cuộn dây trong thời gian trên là:

- A. 2 V. B. -2 V. C. 1 V. D. 4 V.

Câu 19: Một vật dao động điều hòa. Động năng của vật biến thiên tuần hoàn theo thời gian với tần số bằng f. Lực kéo về tác dụng vào vật biến thiên điều hòa với tần số bằng:

- A. $0,5f$. B. $2f$. C. $4f$. D. f .

Câu 20: Một con lắc đơn đang dao động điều hòa trong mặt phẳng thẳng đứng, biết vật nặng tích điện q. Đúng lúc nó đến vị trí có góc lệch cực đại thì thiết lập một điện trường đều có đường sức thẳng đứng. Sau đó vật tiếp tục dao động với:

- A. biên độ như cũ. B. chu kì như cũ.
C. vận tốc cực đại như cũ. D. cơ năng như cũ.

Câu 21: Một chất điểm dao động điều hòa trên trục Ox có vận tốc bằng không tại hai thời điểm liên tiếp $t_1 = 1,75$ s và $t_2 = 2,5$ s, tốc độ trung bình trong khoảng thời gian đó là 16 cm/s. Ở thời điểm $t = 0$, vận tốc v_0 cm/s và li độ x_0 cm của vật thỏa mãn hệ thức:

- A. $x_0 v_0 = -12\pi\sqrt{3}$. B. $x_0 v_0 = 12\pi\sqrt{3}$. C. $x_0 v_0 = -4\pi\sqrt{3}$. D. $x_0 v_0 = 4\pi\sqrt{3}$.

Câu 22: Trong dao động điều hòa, vector gia tốc:

- A. đổi chiều ở vị trí biên. B. luôn hướng về vị trí cân bằng khi li độ $x \neq 0$.
C. có hướng không thay đổi. D. luôn cùng hướng với vector vận tốc.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây về cách khắc phục các tật của mắt là **không** đúng?

- A. Mắt cận đeo kính phân kì để nhìn rõ vật ở xa vô cực. B. Mắt viễn đeo kính hội tụ để nhìn rõ vật ở xa.
C. Mắt viễn đeo kính hội tụ để nhìn rõ vật ở gần. D. Mắt lão đeo kính phân kì để nhìn rõ vật ở xa.

Câu 24: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

A. Lực từ tác dụng lên một đoạn dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường đều tỉ lệ thuận với chiều dài của đoạn dây.

B. Lực từ tác dụng lên một đoạn dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường đều tỉ lệ thuận với góc hợp bởi đoạn dây dẫn và đường sức từ.

C. Lực từ tác dụng lên một đoạn dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường đều tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện trong đoạn dây.

D. Lực từ tác dụng lên một đoạn dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường đều tỉ lệ thuận với cảm ứng từ tại điểm đặt đoạn dây.

Câu 25: Một dòng điện có cường độ $I = 5$ A chạy trong một dây dẫn thẳng dài. Cảm ứng từ do dòng điện này gây ra tại điểm M có độ lớn $B = 4 \cdot 10^{-5}$ T. Điểm M cách dây một khoảng:

A. 28 dB.

B. 27 dB.

C. 25 dB.

D. 26 dB.

Câu 38: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dao động điều hòa?

A. hợp lực tác dụng vào vật có giá trị lớn nhất khi vật đi qua vị trí cân bằng.

B. động năng của vật biến đổi tuần hoàn với chu kì bằng một nửa chu kì dao động của vật.

C. tốc độ của vật lớn nhất khi vật đi qua vị trí cân bằng.

D. vận tốc của vật lệch pha $0,5\pi$ với li độ dao động.

Câu 39: Với một tia sáng đơn sắc, chiết suất tuyệt đối của nước là n_1 , của thủy tinh là n_2 . Chiết suất khi tia sáng đó truyền từ nước sang thủy tinh là:

A. $n_{12} = n_1 - n_2$.

B. $n_{21} = n_2 - n_1$.

C. $n_{21} = \frac{n_2}{n_1}$.

D. $n_{21} = \frac{n_1}{n_2}$.

Câu 40: Công thức nào sau đây là công thức thấu kính:

A. $\frac{1}{d+d'} = \frac{1}{f}$.

B. $\frac{1}{f} = \frac{1}{d} + \frac{1}{d'}$.

C. $\frac{1}{d-d'} = \frac{1}{f}$.

D. $\frac{1}{f} = \frac{1}{d} - \frac{1}{d'}$.

hoc360.net

BẢNG ĐÁP ÁN									
Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
D	C	A	A	A	D	A	A	D	B
Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
B	D	C	D	A	C	A	D	D	A
Câu 21	Câu 22	Câu 23	Câu 24	Câu 25	Câu 26	Câu 27	Câu 28	Câu 29	Câu 30
A	B	B	B	C	A	D	B	B	C
Câu 31	Câu 32	Câu 33	Câu 34	Câu 35	Câu 36	Câu 37	Câu 38	Câu 39	Câu 40
B	D	A	C	C	B	D	A	C	B

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

Câu 1:

+ Khi $E_d = \frac{1}{3}E \Rightarrow |v| = \frac{1}{\sqrt{3}}v_{\max} \Leftrightarrow 8\sqrt{3} = \frac{1}{\sqrt{3}}4A \Rightarrow A = 6 \text{ cm}$.

Hai dao động thành phần vuông pha nhau, do vậy $A = \sqrt{6^2 - 3^2} = 3\sqrt{3} \text{ cm}$.

✓

Đáp án D

Câu 2:

+ Vận tốc cực đại của dao động $a_{\max} = \omega A = 4\pi \text{ cm/s}$.

+ Tại thời điểm $t = 0,25$ vật có vận tốc $v = \frac{\sqrt{2}}{2}v_{\max} = 2\pi\sqrt{2} \text{ cm/s}$.

Thời điểm $t = 0$ ứng với góc lồi $\Delta\varphi = \omega\Delta t = 0,25\pi$.

Biểu diễn các vị trí tương ứng trên đường tròn. Ta thu được: $\varphi_0 = -\frac{\pi}{2} \text{ rad}$.

+ Phương trình dao động của vật $x = 4\cos\left(\pi t - \frac{\pi}{2}\right) \text{ cm}$.

✓

Đáp án C

Câu 3:

+ Chu kì dao động của vật $T = \frac{2\pi}{\omega} = 2 \text{ s}$.

Ta có $\Delta t = 3,5T \rightarrow$ quãng đường vật đi được là $S = 3.4A + 2A = 56 \text{ cm}$.

✓

Đáp án A

Câu 4:

+ Với hai đại lượng vuông pha, ta có:

$$\left(\frac{v}{\omega A}\right)^2 + \left(\frac{a}{\omega^2 A}\right)^2 = 1 \Rightarrow m\frac{v^2}{A^2} + m^2\frac{a^2}{A^2} = 1 \Rightarrow A^2 = m(v^2 + ma^2).$$

✓

Đáp án D

Câu 5:

Tiêu cự của thấu kính $f = \frac{1}{D} = 20 \text{ cm}$

+ Ta có $\frac{1}{d} + \frac{1}{d'} = \frac{1}{f} \Rightarrow d' = 20 \text{ cm} \rightarrow$ ảnh thật nằm sau thấu kính.

✓

Đáp án A

Câu 6:

+ Bước sóng của sóng $\lambda = \frac{2\pi v}{\omega} = 2,5 \text{ cm}$.

+ Biên độ dao động của M: $a_M = 2a \cos\left(\pi \frac{AM - BM}{\lambda}\right) = 4 \text{ cm}$.

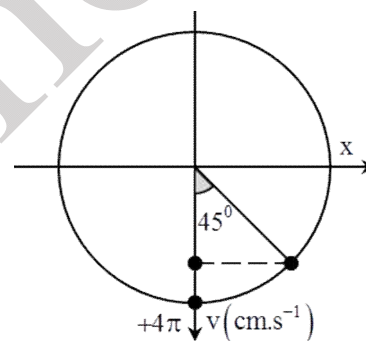
Tốc độ dao động của đại của M: $v_{\max} = \omega A_M = 160\pi \text{ cm/s}$.

✓

Đáp án D

Câu 7:

+ Khoảng cách giữa 7 ngọn sóng liên tiếp là $6\lambda = 30 \rightarrow \lambda = 5 \text{ cm}$.



Vận tốc truyền sóng trên mặt nước $v = \lambda f = 50 \text{ cm/s}$.

✓

Đáp án A

Câu 8:

+ Muốn giảm hao phí do dòng Fuco gây ra, người ta chia khối kim loại thành nhiều lá và ghép cách điện với nhau.

✓

Đáp án A

Câu 9:

+ Để dao động cưỡng bức với biên độ lớn nhất thì tần số của ngoại lực bằng với tần số dao động riêng của

$$\text{hệ: } \omega_F = \sqrt{\frac{k}{m}} = 10\pi \text{ rad/s.}$$

+ Mặc khác biên độ ngoại lực càng lớn thì biên độ dao động cưỡng bức cũng lớn.

✓

Đáp án D

Câu 10:

+ Để chữa tật cận thị người này phải đeo kính phân kì có độ tụ $D = -\frac{1}{C_V} \Rightarrow f = -50 \text{ cm}$.

Sau khi đeo kính, người này nhìn rõ được vật gần nhất ứng với ảnh của vật này qua thấu kính phải nằm tại điểm cực cận, tương ứng khi đó $d' = -12,5 \text{ cm}$.

$$\text{+ Ta có } \frac{1}{d} + \frac{1}{d'} = \frac{1}{f} \Rightarrow d = 16,7 \text{ cm.}$$

✓

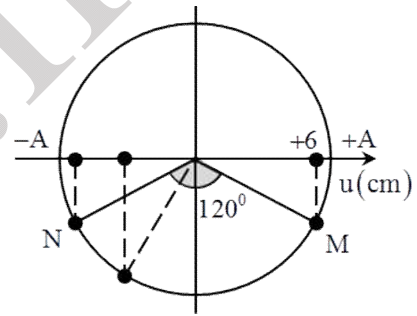
Đáp án B

Câu 11:

$$\text{+ Độ lệch pha giữa M và N: } \Delta\varphi_{MN} = \frac{2\pi\Delta x_{MN}}{\lambda} = \frac{2\pi}{3} \text{ rad.}$$

+ Biểu diễn các vị trí tương ứng của M và N trên đường tròn tại thời điểm t $\Rightarrow A = 4\sqrt{3} \text{ cm}$.

$$\text{+ Khi M đến biên thì } u_N = -\frac{A}{2} = -2\sqrt{3} \text{ cm}$$



✓

Đáp án B

Câu 12:

$$\text{+ Cơ năng của vật } E = \frac{1}{2}m\omega^2 A^2 = \frac{1}{2}m\left(\frac{2\pi}{T}\right)^2 A^2.$$

✓

Đáp án D

Câu 13:

$$\text{+ Độ bội giác của kính hiển vi khi ngắm chừng ở vô cực } G_\infty = \frac{\delta D}{f_1 f_2}.$$

✓

Đáp án C

Câu 14:

$$\text{+ Biến đổi } x = A \cos^2\left(\omega t + \frac{\pi}{4}\right) = 0,5A + 0,5A \cos\left(2\omega + \frac{\pi}{2}\right) \Leftrightarrow \underbrace{x - 0,5A}_X = 0,5A \cos\left(2\omega + \frac{\pi}{2}\right).$$

Đặt $X = x - 0,5A \rightarrow$ phương trình mô tả dao động với biên độ $0,5A$.

✓

Đáp án D

Câu 15:

$$\text{+ Để không có tia khúc xạ thì } i \geq i_{gh} \rightarrow i \geq \arcsin \frac{n_2}{n_1} = 62^\circ 44'.$$

✓

Đáp án A

Câu 16:

+ Độ cao của âm phụ thuộc vào tần số của âm.

✓

Đáp án C

Câu 17:

+ Sóng dừng trên dây với hai đầu cố định, có 4 bụng $\rightarrow n = 4$.

$$l = 4 \frac{\lambda}{2} \Rightarrow \lambda = 60 \text{ cm.}$$

+ Biên độ dao động của điểm cách nút O một đoạn d: $A = A_B \left| \sin \frac{2\pi d}{\lambda} \right| = 1 \text{ cm.}$

✓ **Đáp án A**

Câu 18:

+ Suất điện động tự cảm $e_{tc} = -L \frac{\Delta i}{\Delta t} = 4 \text{ V.}$

✓ **Đáp án D**

Câu 19:

+ Lực kéo về biến thiên với tần số f.

✓ **Đáp án D**

Câu 20:

+ Tại vị trí biên $v = 0$, thiết lập điện trường \rightarrow vị trí cân bằng ko thay đổi \rightarrow biên độ dao động không đổi.

✓ **Đáp án A**

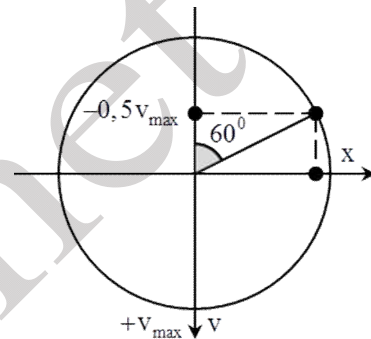
Câu 21:

+ Chu kì dao động của vật $T = 2(t_2 - t_1) = 1,5 \text{ s.}$

+ $v_{tb} = \frac{2A}{\Delta t} \Rightarrow A = \frac{v_{tb} \Delta t}{2} = 6 \text{ cm.}$

+ Thời điểm $t = 0$ ứng với góc lồi $\Delta\phi = \omega t_1 = \frac{7\pi}{3} = 2\pi + \frac{\pi}{3}.$

Từ hình vẽ ta có $x_0 v_0 = -\frac{v_{\max}}{2} \frac{\sqrt{3}}{2} A = -\frac{\sqrt{3}}{4} \omega A^2 = -12\pi\sqrt{3}$



✓ **Đáp án A**

Câu 22:

+ Trong dao động điều hòa, vectơ gia tốc luôn hướng về vị trí cân bằng khi $x \neq 0.$

✓ **Đáp án B**

Câu 23:

+ Mắt viễn đeo kính hội tụ để nhìn rõ vật ở gần \rightarrow B sai.

✓ **Đáp án B**

Câu 24:

+ Lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện đặt trong từ trường đều tỉ lệ thuận với góc hợp bởi đoạn dây dẫn và từ trường là không đúng \rightarrow B sai.

✓ **Đáp án B**

Câu 25:

+ Ta có $B = 2 \cdot 10^{-7} \frac{I}{r} \Rightarrow r = 2,5 \text{ cm.}$

✓ **Đáp án C**

Câu 26:

+ Bán kính quỹ đạo e trong từ trường $R = \frac{mv}{|e|B} \Rightarrow$ B tăng gấp đôi thì R giảm một nửa.

✓ **Đáp án A**

Câu 27:

+ Điều kiện để có sóng dừng với hai đầu cố định $l = n \frac{\lambda}{2}$, có 4 nút sóng $\rightarrow n = 3 \rightarrow \lambda = 0,8 \text{ m} \rightarrow$ D sai.

✓ **Đáp án D**

Câu 28:

+ Tính chất cơ bản của từ trường là gây ra lực từ tác dụng lên nam châm hoặc dòng điện đặt trong nó.

✓ **Đáp án B**

Câu 29:

+ Áp dụng hệ thức độc lập giữa vận tốc và gia tốc:

$$\left(\frac{v}{\omega A} \right)^2 + \left(\frac{a}{\omega^2 A} \right)^2 = 1 \Rightarrow \omega = 4 \text{ rad/s.}$$

✓ **Đáp án B**

Câu 30:

+ Tại điểm phản xạ, sóng tới và sóng phản xạ luôn cùng tần số.

✓

Đáp án C

Câu 31:

+ Độ lớn của suất điện động cảm ứng xuất hiện trong mạch kín được xác định bằng biểu thức $e_c = \left| \frac{\Delta\Phi}{\Delta t} \right|$.

✓

Đáp án B

Câu 32:

+ Siêu âm có tần số lớn hơn hạ âm → bước sóng sẽ nhỏ hơn → D sai.

✓

Đáp án D

Câu 33:

Các phát biểu đúng:

+ Qua thấu kính phân kì, vật thật luôn cho ảnh ảo.

+ Vật thật qua thấu kính cho ảnh thật đó là thấu kính hội tụ.

→ có 4 kết luận không đúng.

✓

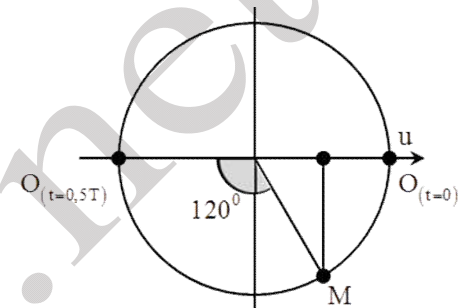
Đáp án A

Câu 34:

+ Độ lệch pha giữa O và M: $\Delta\varphi = \frac{2\pi\Delta x}{\lambda} = \frac{2\pi}{3}$ rad.

+ Tại $t = 0$, O đang ở vị trí biên dương → tại $t = 0,5T$, O đang ở vị trí biên âm.

Từ hình vẽ ta thấy rằng $A = 10$ cm.



✓

Đáp án C

Câu 35:

+ Trong dao động tắt dần vẫn có sự chuyển hóa giữa động năng và thế năng.

✓

Đáp án C

Câu 36:

+ Từ thông qua hình chữ nhật $\Phi = BS\cos(\vec{n}\vec{B}) = 5 \cdot 10^{-4} \cdot 12 \cdot 10^{-4} \cdot \cos(60^\circ) = 3 \cdot 10^{-7}$ Wb.

✓

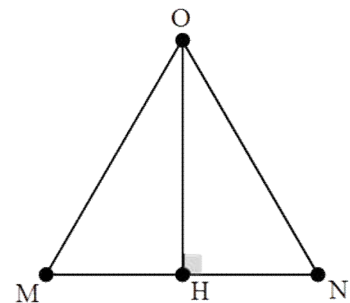
Đáp án B

Câu 37:

+ Trên đoạn MN, mức cường độ âm sẽ lớn nhất tại H.

Trong tam giác đều, ta luôn có $OH = \frac{\sqrt{3}}{2} OM$.

+ Mức cường độ âm tại H: $L_H = L_M + 20 \log \frac{OM}{OH} = 26$ dB.



✓

Đáp án D

Câu 38:

+ Hợp lực tác dụng vào vật có giá trị bằng 0 khi vật đi qua vị trí cân bằng → A sai.

✓

Đáp án A

Câu 39:

+ Ta có $n_{21} = \frac{n_2}{n_1}$.

✓

Đáp án C

Câu 40:

+ Công thức của thấu kính $\frac{1}{f} = \frac{1}{d} + \frac{1}{d'}$.

✓

Đáp án B